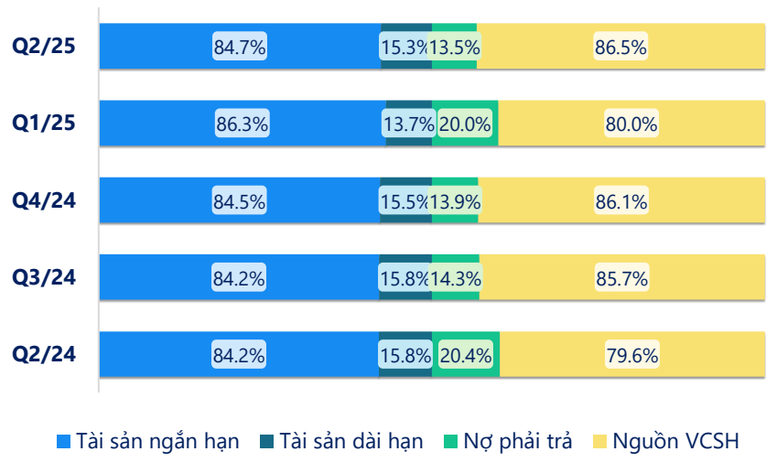
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,559
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,153
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,730
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
P/E	-24.7
EPS	-276

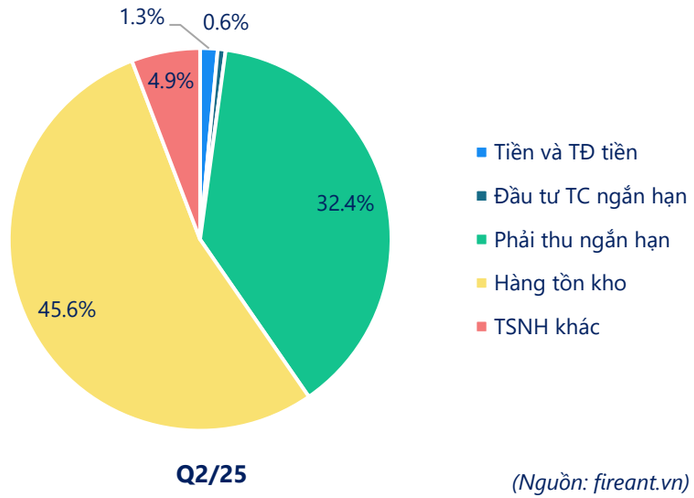
	YTD	1T	3T	6T
LPT	29.8%	9.7%	-1.4%	21.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



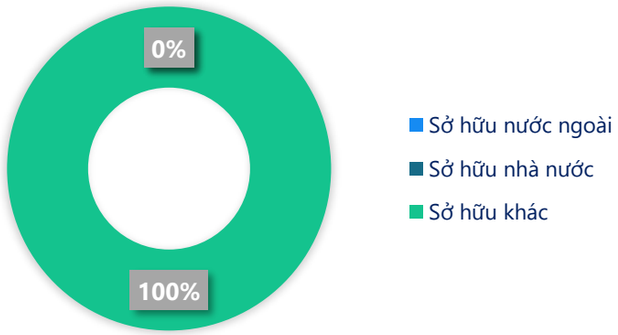
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



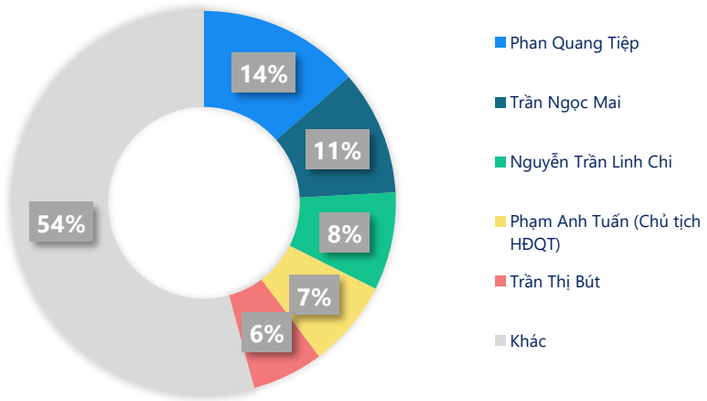
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



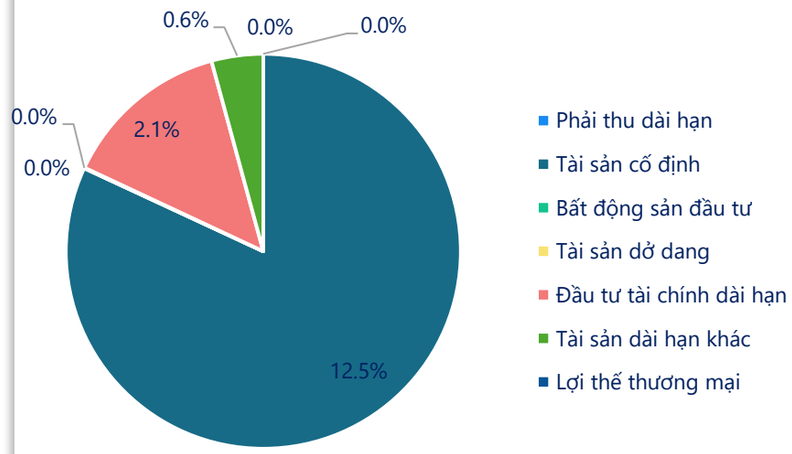
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

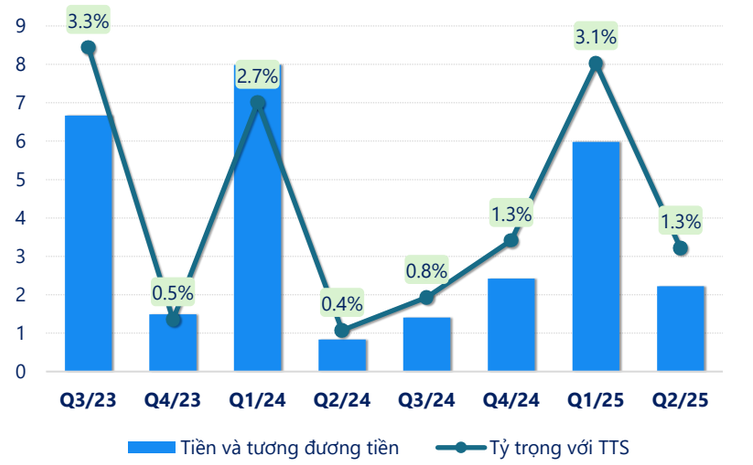


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

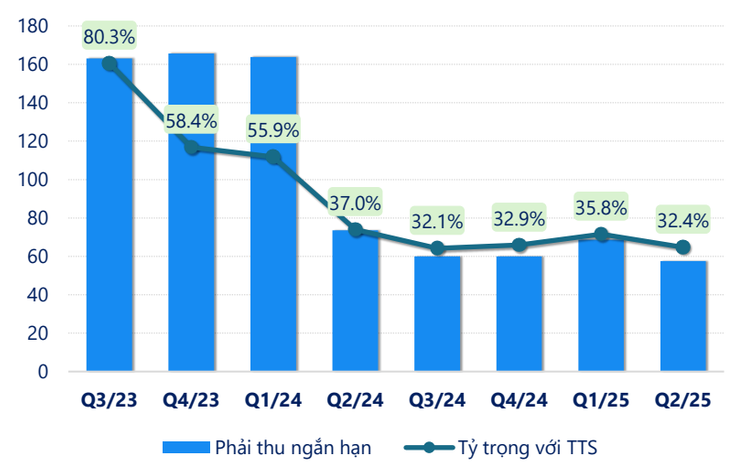
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Tiền và tương đương tiền



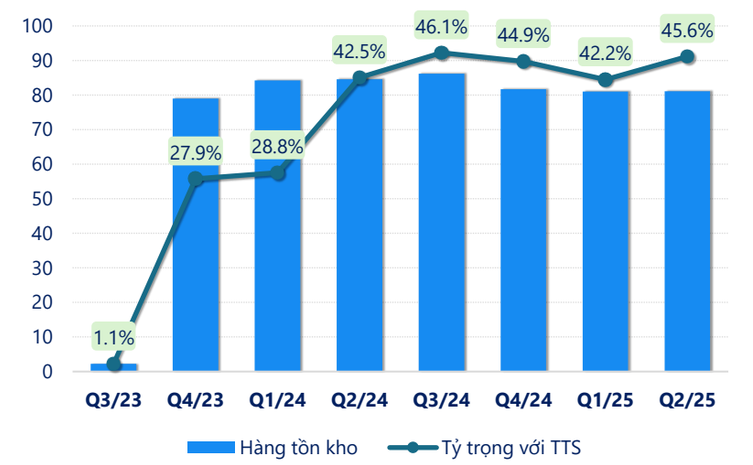
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



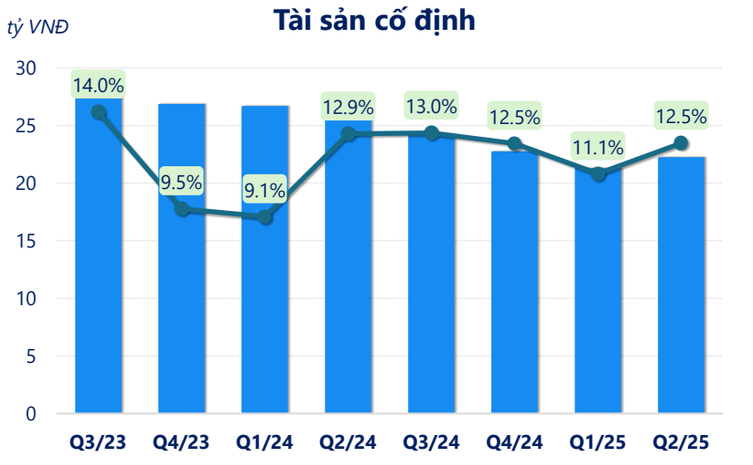
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



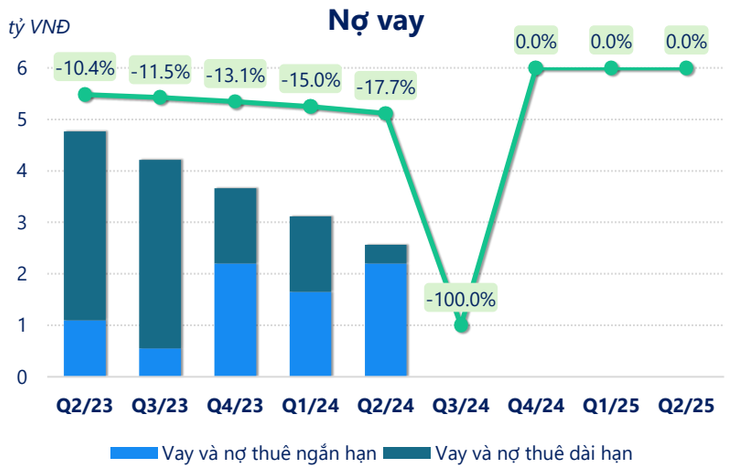
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



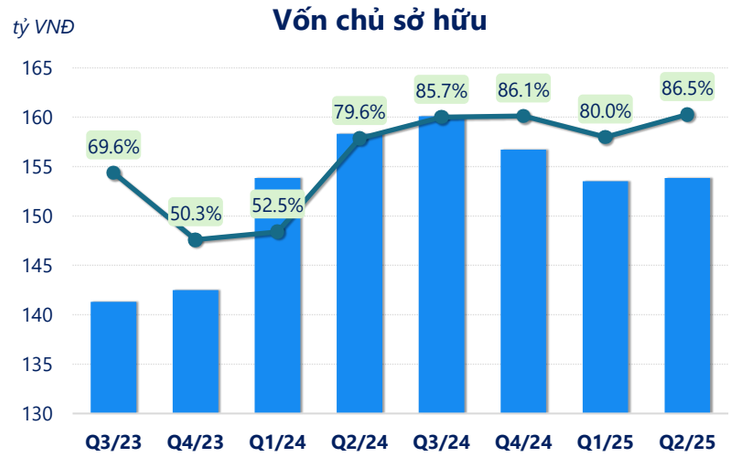
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

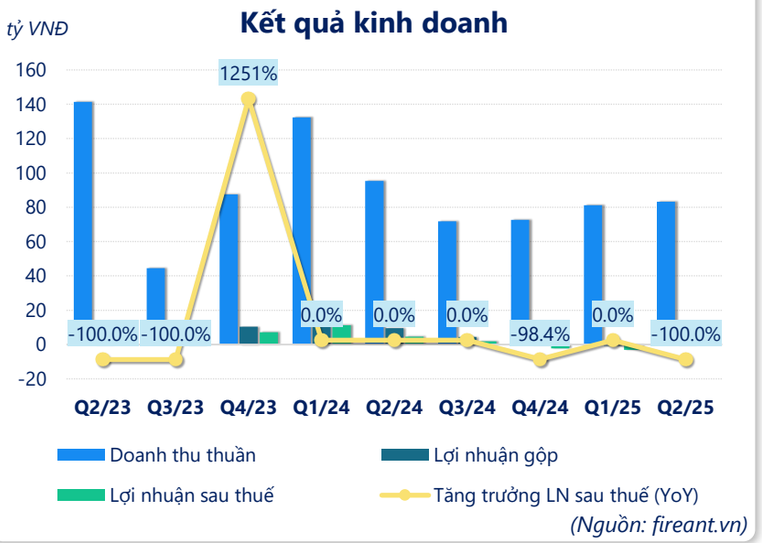
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

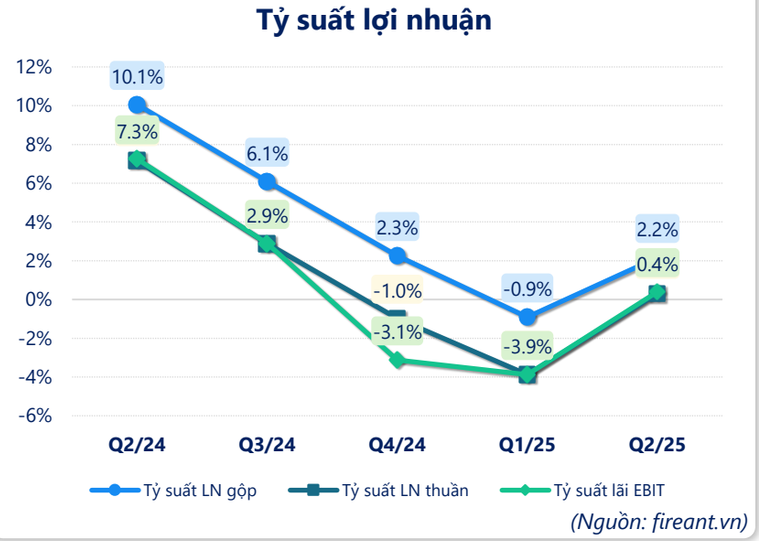
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Kết quả kinh doanh



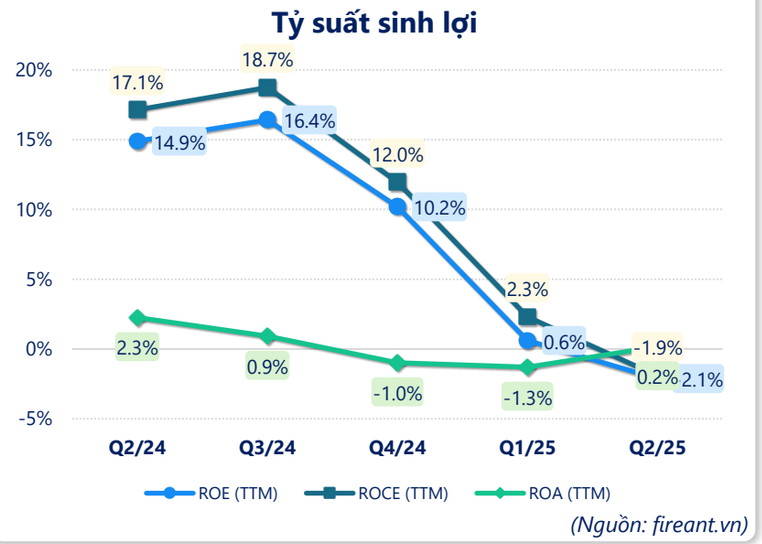
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



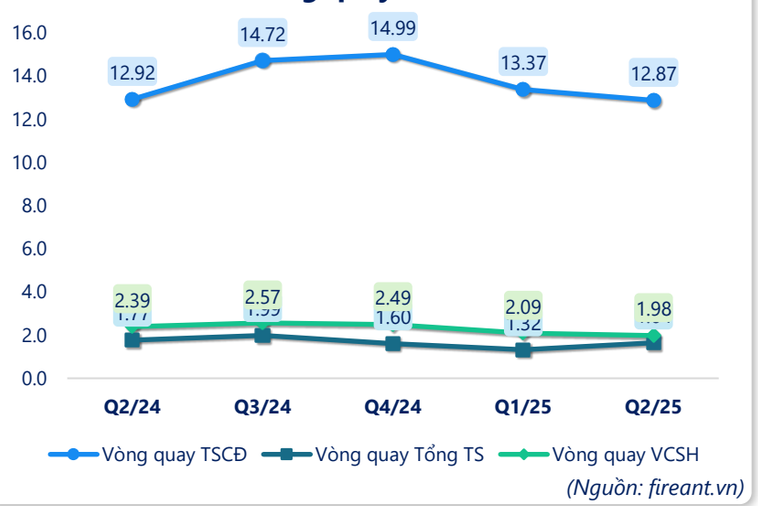
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



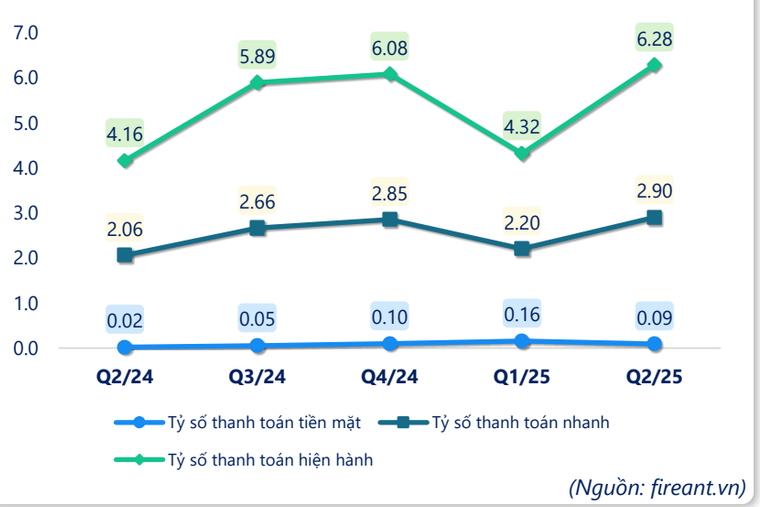
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



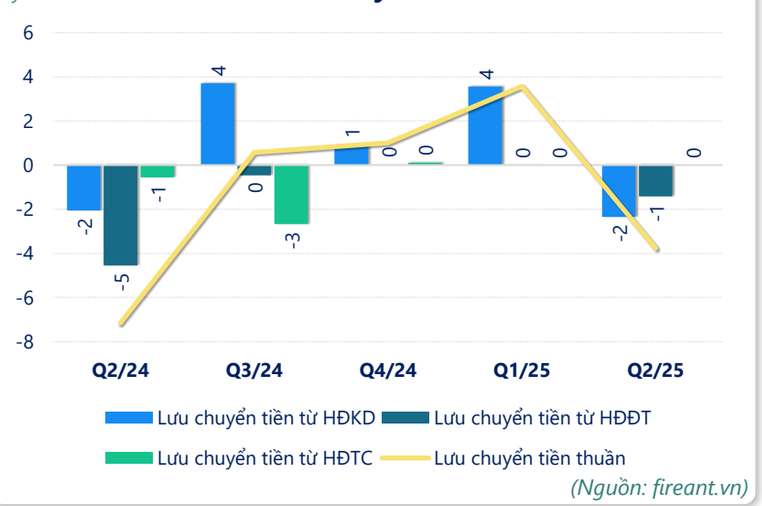
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**183**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	151	155	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	2.22	2.42	-8.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	57.6	60.9	-5.4%
Hàng tồn kho	81.1	81.7	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.74	8.73	0.2%
Tài sản dài hạn	**27.2**	**28.2**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.3	22.8	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.01	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.75	3.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.15**	**1.71**	**-32.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24.0	26.2	-8.5%
Nợ ngắn hạn	**24.0**	**26.2**	**-8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.7	15.0	4.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**154**	**157**	**-1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**154**	**157**	**-1.8%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	95.3	71.8	72.7	81.1	83.2
Giá vốn hàng bán	85.7	67.4	71.0	81.9	81.4
Lợi nhuận gộp	9.58	4.38	1.64	-0.74	1.80
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.30
Chi phí TC	0.09	0.03	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.09	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.26	0.44	0.37	0.39	0.21
Chi phí QLDN	2.41	1.84	1.99	2.02	1.63
LN thuần từ HĐKD	6.82	2.07	-0.71	-3.14	0.26
Lợi nhuận khác	0.00	0	-1.56	0.00	0.08
LN trước thuế	6.82	2.07	-2.27	-3.15	0.33
Lợi nhuận sau thuế	4.58	1.79	-2.29	-3.15	0.33
LNST của CĐ cty mẹ	4.58	1.79	-2.29	-3.15	0.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.05	3.70	0.90	3.56	-2.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.55	-0.46	0.01	0.00	-1.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.55	-2.67	0.11	0	0
Tiền đầu kỳ	7.99	0.83	1.40	2.42	5.98
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.16**	**0.57**	**1.01**	**3.57**	**-3.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.83	1.40	2.42	5.98	2.22

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic